TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 48/2019/HNGĐ - ST Ngày: 21-8-2019 V/v: "Ly hôn"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Điệp

Ông Hoài Đức Huệ

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Liên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 372/2019/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1987
Địa chỉ: ấp 3, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai

Bị đơn: Anh Nguyễn Trần Văn Đ, sinh năm 1981
Địa chỉ: ấp 3, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H có mặt, anh Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2019 và các lời khai tại tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Trần Văn Đ xây dựng gia đình với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long Thọ, huyện N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 05 tháng 11 năm 2012. Việc kết hôn do chị và anh Đ đều tự nguyện. Trong quá trình chung sống thì giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không

chia sẻ được với nhau trong cuộc sống dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay. Nay chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trần Văn Đ.

Về con chung: Chị H và anh Đ có 01 người con chung là cháu Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 15/01/2016. Nếu ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 10/6/2019 và các lời khai tại hồ sơ bị đơn anh Nguyễn Trần Văn Đ trình bày: Anh và chị H xây dựng gia đình với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long Thọ, huyện N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05 tháng 11 năm 2012. Nay chị H xin ly hôn, anh đồng ý thuận tình ly hôn do vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay.

Về con chung: Anh và chị H có 01 người con chung là cháu Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 15/01/2016. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Đ. Đề nghị giao con chung là cháu Bảo cho chị H nuôi dưỡng, tạm thời anh Đ không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Trần Văn Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trần Văn Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Trần Văn Đ xây dựng gia đình với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban

nhân dân xã Long Thọ, huyện N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05 tháng 11 năm 2012, việc kết hôn do cả hai đều tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Chị H yêu cầu được ly hôn với anh Đ vì lý do hôn nhân không có hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không chia sẻ được với nhau trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân từ năm 2018.

Xét thấy, qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L thì địa phương không xác định được nguyên nhân tranh chấp ly hôn giữa anh Đ và chị H. Tuy nhiên, qua lời khai của cả anh Đ và chị H đều thừa nhận là vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Chị H xin ly hôn, anh Đ đồng ý thuận tình ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Gia Bảo, sinh ngày 15/01/2016. Cả anh Đ và chị H đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung nhưng cháu Bảo hiện do chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao cháu Bảo cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị H nuôi con nhưng không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" của chị Trần Thị H đối với anh Nguyễn Trần Văn Đ.

Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Trần Văn Đ.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 15/01/2016 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Trần Văn Đ được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000678 ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Chị H được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lâm